

CTCP Xe khách Sài Gòn

Ngành: Vận tải, kho bãi

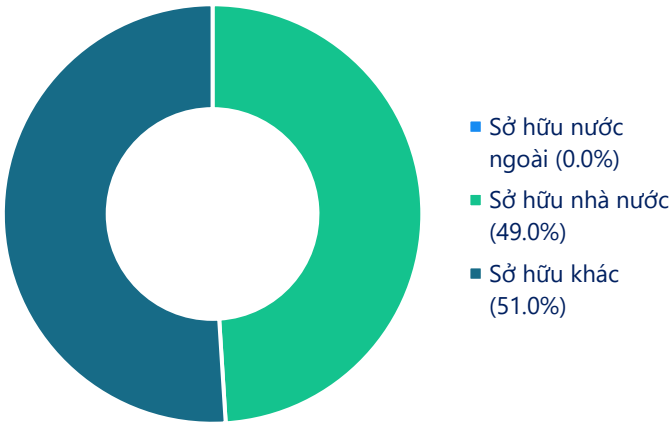
Giá	13,500 VNĐ		
Ngày: 29/09/2023			
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	12.7%	-8.1%	13.8%

Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	9,600 - 16,900
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	810,000
Số lượng CPLH (CP)	60,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	6,200
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	0.17
EPS	627
P/E	19.8

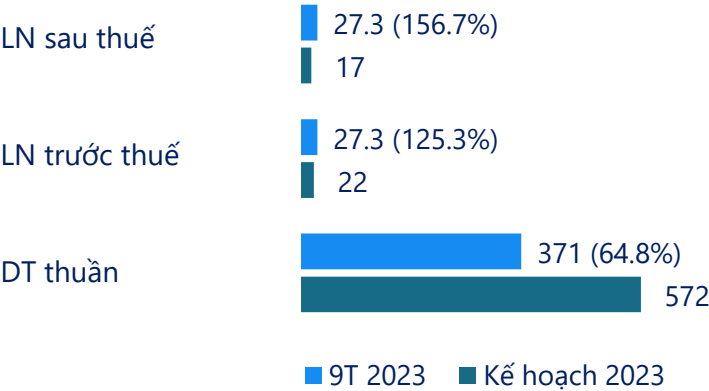
Doanh thu thuần Q3 2023 130 Tỷ VNĐ Kỳ trước: ↘ 2.2 -1.6% Cùng kỳ: ↗ +0.0%	Doanh thu thuần Lũy kế 9T 2023 371 Tỷ VNĐ Cùng kỳ: ↗ 45 +13.8%
Lợi nhuận sau thuế Q3 2023 11.6 Tỷ VNĐ Kỳ trước: ↗ 1 +8.3% Cùng kỳ: ↘ 1.3 -9.9%	Lợi nhuận sau thuế Lũy kế 9T 2023 27.3 Tỷ VNĐ Cùng kỳ: ↗ 23



Tỷ lệ sở hữu

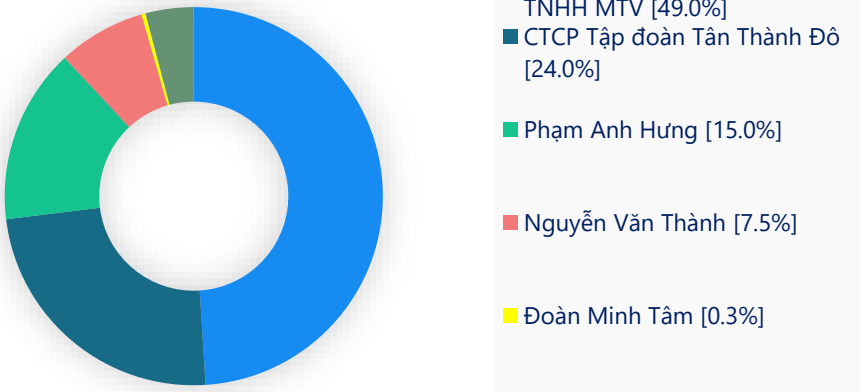


Thực hiện kế hoạch năm 2023



(Nguồn: fireant.vn)

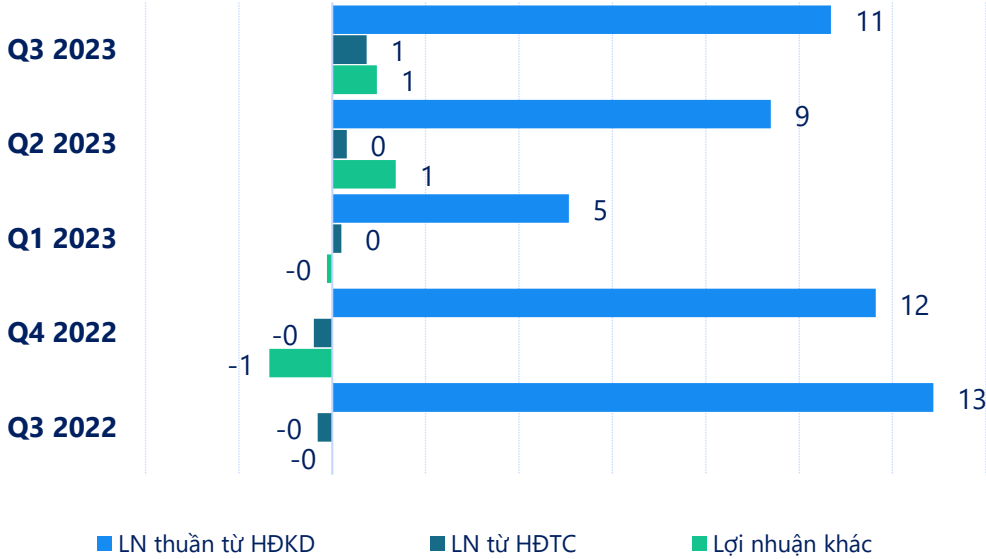
Cơ cấu cổ đông



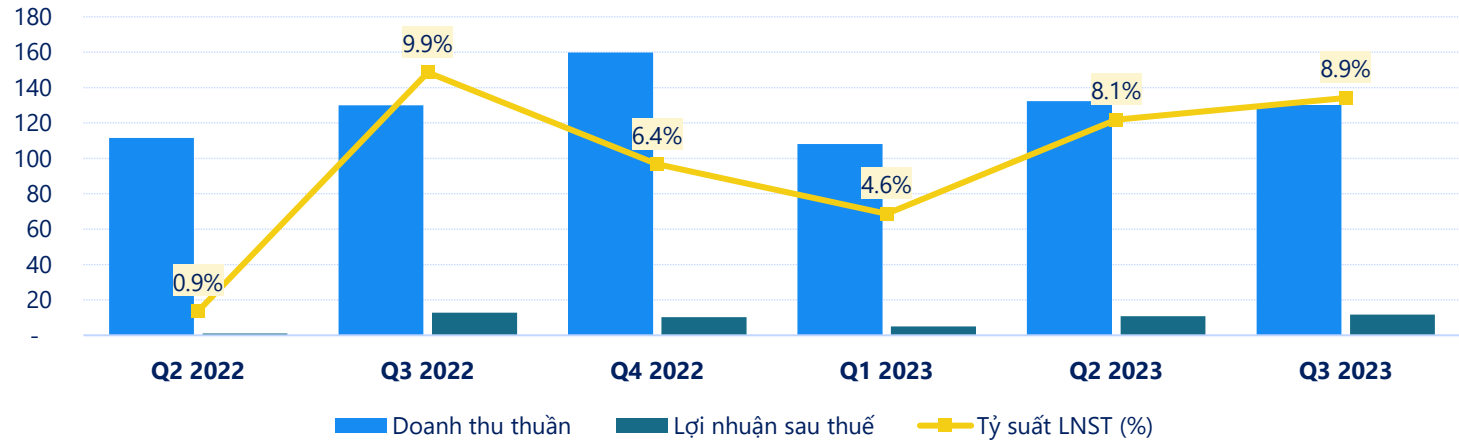
(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH

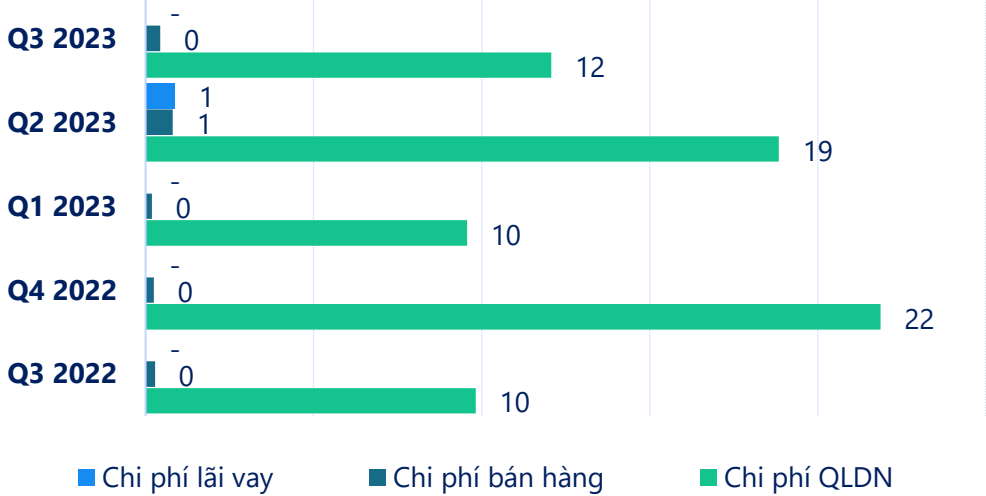
Đơn vị: Tỷ VNĐ	Q3 2023	Q2 2023	Thay đổi	9T 2023	9T 2022	Thay đổi
Doanh thu thuần	130	132	-1.6%	371	326	13.8%
Giá vốn hàng bán	108	104	4.0%	305	299	1.8%
Lợi nhuận gộp	22	29	-21.8%	66	26	152.4%
LN từ HĐTC	1	0	138.2%	1	2	174.9%
Chi phí lãi vay	-	1	-100.0%	1	2	-45.5%
Chi phí bán hàng	0	1	-45.9%	1	1	126.5%
Chi phí QLDN	12	19	-35.9%	40	22	81.9%
LN thuần từ HĐKD	11	9	13.8%	25	2	1527.0%
Lợi nhuận khác	1	1	-29.7%	2	3	-28.9%
LN trước thuế	12	11	8.3%	27	5	489.0%
Chi phí thuế TNDN	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận sau thuế	12	11	8.3%	27	5	489.0%
LNST của CĐ cty mẹ	12	11	8.3%	27	5	489.0%

Cơ cấu lợi nhuận (Tỷ VNĐ)


(Nguồn: fireant.vn)

Doanh thu thuần và LNST (Tỷ VNĐ)


(Nguồn: fireant.vn)

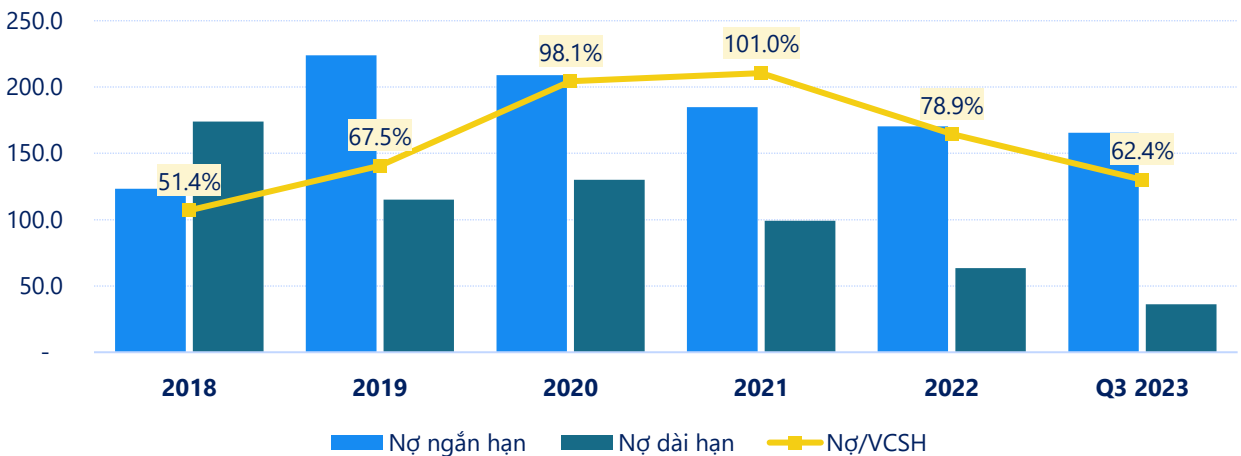
Chi phí (Tỷ VNĐ)


(Nguồn: fireant.vn)

Đơn vị: Tỷ VNĐ	Tại ngày 30/9/2023	Tại ngày 31/12/2022	Thay đổi	% / TTS
Tài sản ngắn hạn	142	180	-21.0%	26.8%
Tiền và tương đương tiền	72	47	52.3%	13.6%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	1	49	-99.0%	0.1%
Phải thu ngắn hạn	60	77	-22.3%	11.3%
Hàng tồn kho	5	6	-11.2%	0.9%
Tài sản ngắn hạn khác	5	1	226.3%	0.9%
Tài sản dài hạn	388	345	12.3%	73.2%
Phải thu dài hạn	-	-		0.0%
Tài sản cố định	375	333	12.5%	70.8%
Bất động sản đầu tư	-	-		0.0%
Tài sản dở dang	1	1	0.0%	0.1%
Đầu tư tài chính dài hạn	-	-		0.0%
Tài sản dài hạn khác	12	11	7.4%	2.2%
TỔNG TÀI SẢN	530	525	0.9%	100.0%
Nợ phải trả	234	202	15.9%	44.1%
Nợ ngắn hạn	170	166	2.8%	32.1%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	30	15	98.4%	5.7%
Nợ dài hạn	63	36	75.6%	12.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	12	4	203.1%	2.2%
Nguồn vốn chủ sở hữu	296	323	-8.5%	55.9%

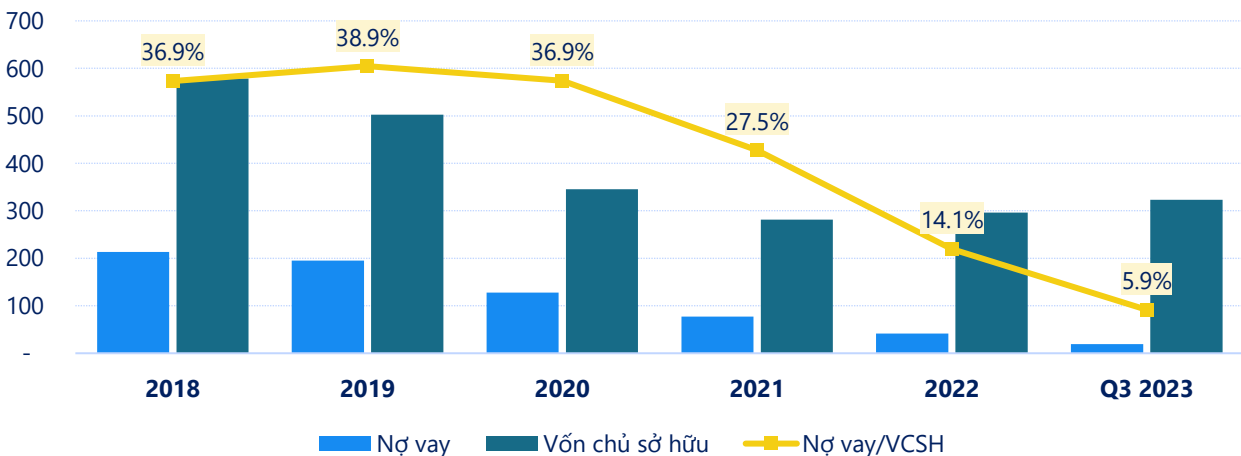
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ và Vốn chủ sở hữu (Tỷ VNĐ)



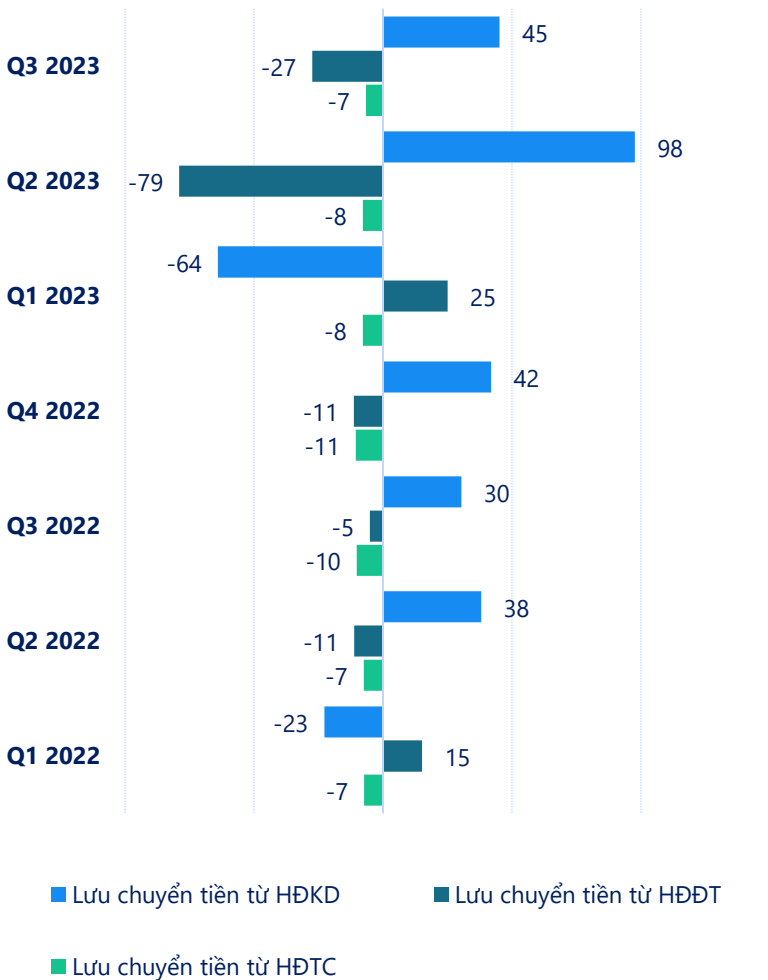
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay và Vốn chủ sở hữu (Tỷ VNĐ)



(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền thuần (Tỷ VNĐ)



(Nguồn: fireant.vn)

NHÓM CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

Tỷ suất sinh lợi	2018	2019	2020	2021	2022	Q3 2023
Biên LN thuần	-8.2%	-14.5%	-12.4%	-14.2%	2.7%	6.9%
Biên LNST	-5.9%	-12.0%	-12.4%	-22.9%	3.1%	7.1%
Biên LN EBIT	-4.4%	-10.3%	-10.7%	-21.3%	3.8%	7.3%
ROE	-6.2%	-12.8%	-11.7%	-20.6%	5.2%	12.4%
ROA	-4.1%	-8.0%	-6.5%	-10.3%	2.7%	7.1%

(Nguồn: fireant.vn)

Hiệu quả hoạt động	2018	2019	2020	2021	2022	Q3 2023
Số ngày phải thu	25.68	24.05	39.93	49.93	25.37	28.35
Số ngày nắm giữ HTK	25.20	23.31	20.60	7.79	4.56	4.69
Vòng quay TTS	531.77	542.82	699.06	811.05	411.82	363.09

(Nguồn: fireant.vn)

Thanh khoản	2018	2019	2020	2021	2022	Q3 2023
Khả năng TT hiện hành	1.93	1.04	0.70	0.56	0.83	1.09
Khả năng TT nhanh	1.49	0.79	0.62	0.48	0.78	1.04
Khả năng TT lãi vay	- 2.73	- 6.11	- 6.19	- 12.75	5.60	43.99

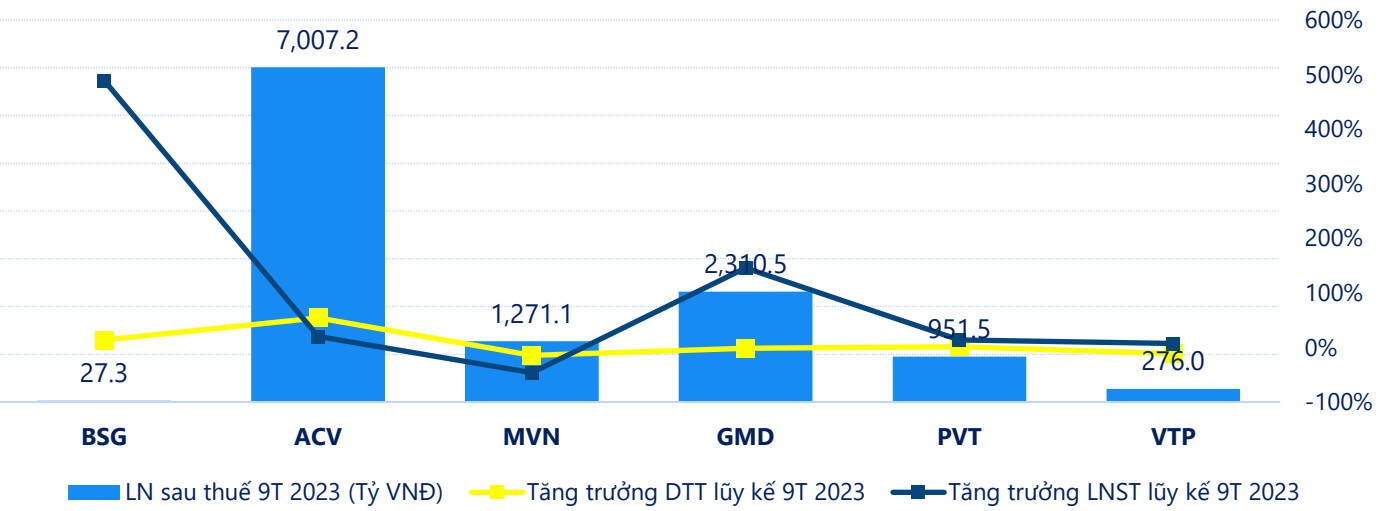
(Nguồn: fireant.vn)

Nhóm chỉ số định giá	2018	2019	2020	2021	2022	Q3 2023
EPS	- 623	- 1,151	- 826	- 1,075	250	627
Giá trị sổ sách (BVPS)	9,635	8,368	5,727	4,659	4,913	5,372
P/E	- 12.03	- 8.95	- 12.11	- 11.17	63.54	21.52
P/B	0.78	1.23	1.75	2.58	3.24	2.51
P/S	0.72	1.07	1.51	2.56	1.97	1.53

(Nguồn: fireant.vn)

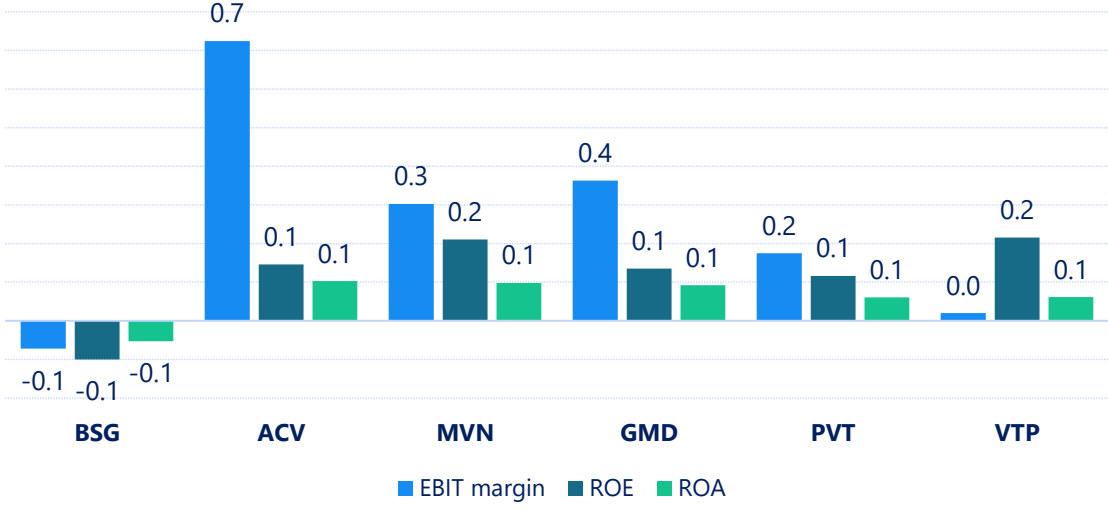
SO SÁNH MỘT SỐ CHỈ TIÊU DOANH NGHIỆP CÙNG NGÀNH

Doanh thu, lợi nhuận lũy kế



(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi

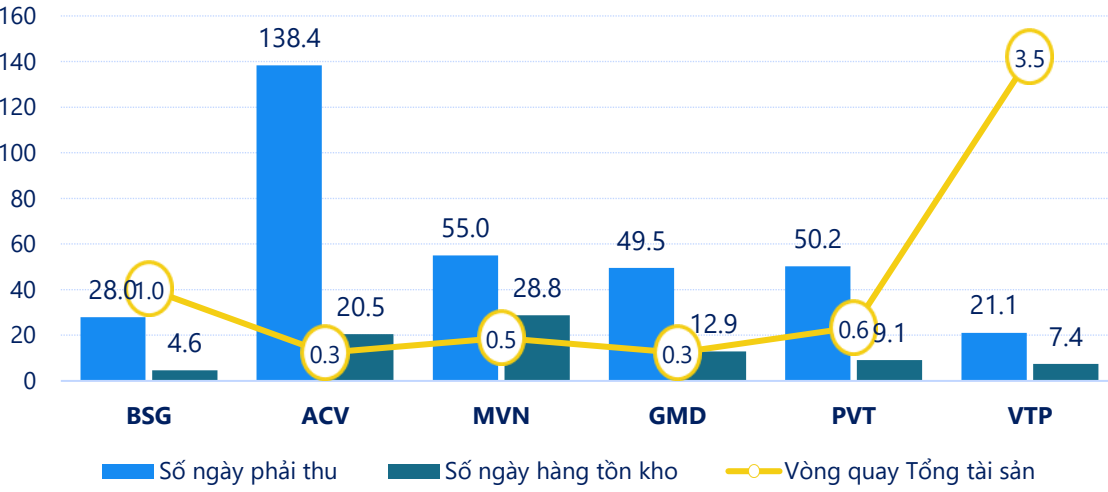


(Nguồn: fireant.vn)

Nhóm chỉ số định giá	BSG	ACV	MVN	GMD	PVT	VTP
EPS	627	3,806	891	7,504	2,926	2,275
Giá trị sổ sách (BVPS)	5,372	22,516	8,336	26,904	21,525	11,999
P/E	21.52	19.68	21.32	8.84	9.67	20.27
P/B	2.51	3.33	2.28	2.46	1.31	3.84
P/S	1.53	8.54	1.79	5.18	1.00	0.28

(Nguồn: fireant.vn)

Hiệu quả hoạt động



(Nguồn: fireant.vn)